

Rx: Thuốc này chỉ dùng theo đơn thuốc

UNI-ATROPIN

Atropin sulfat 10mg/ml

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

Thành phần

Mỗi 1 ml dung dịch chứa:

Thành phần hoạt chất: Atropin sulfat 10 mg

Thành phần tá dược: Acid hydrocloric, nước tinh khiết.

Dạng bào chế: Dung dịch nhỏ mắt

Mô tả: Dung dịch trong, không có tiểu phân lạ quan sát được bằng mắt thường.

pH: 3,0-6,5

Chỉ định

Thuốc kháng muscarinic, dùng làm thuốc giãn đồng tử và liệt thể mi

Sử dụng trong điều trị viêm mống mắt và viêm mống mắt thể mi để làm liệt cơ mống mắt và mi, phòng ngừa sự kết dính

Vì là một thuốc liệt thể mi, atropin được dùng trong xác định tật khúc xạ ở trẻ em dưới 6 tuổi và trẻ em bị lác mắt hội tụ

Liều dùng và cách dùng

Dùng để nhỏ mắt

Soi góc tiền phòng nên được thực hiện trước khi sử dụng thuốc

Người lớn:

Tật khúc xạ: 1 – 2 giọt, 1 giờ trước đo

Viêm mống mắt, mống mắt thể mi: 1 – 2 giọt, tối đa 4 lần/ngày

Người cao tuổi: sử dụng thận trọng do nguy cơ làm tăng nhãn áp

Trẻ em:

Tật khúc xạ: 1 giọt, 2 lần/ ngày, 1 – 3 ngày trước khi kiểm tra

Viêm mống mắt, mống mắt thể mi: 1 giọt, tối đa 3 lần/ngày

Chống chỉ định

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Không dùng cho bệnh nhân tăng nhãn áp góc đóng.

Chống chỉ định ở những bệnh nhân có góc hẹp giữa mống mắt và giác mạc vì có thể làm tăng áp lực nội nhãn và gây nên đợt cấp tính của bệnh glaucoma góc đóng.

Cảnh báo và thận trọng khi dùng thuốc

Thận trọng ở những bệnh nhân có thể tăng áp lực nội nhãn.

Bệnh nhân cần được cảnh báo rằng thuốc nhỏ mắt kháng muscarinic sẽ làm giảm tạm thời thị lực.

Bệnh nhân nên rửa tay sau khi dùng thuốc và tránh chạm sản phẩm vào miệng.

Do nguy cơ gây sốt cao nên atropin cần được sử dụng cẩn thận khi nhiệt độ môi trường cao hoặc bệnh nhân đang sốt.

Sử dụng thận trọng ở bệnh nhân có nhịp tim nhanh.

Trong quá trình sử dụng, không để đầu nhỏ giọt chạm vào mí mắt hoặc bất kỳ bề mặt nào khác.

Mống mắt sẫm màu có khả năng chống giãn đồng tử nhiều hơn và cần thận trọng để tránh quá liều.

Chỉ sử dụng để nhỏ mắt và tránh xa tầm tay của trẻ em.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú

Sự an toàn khi sử dụng thuốc trong thời kỳ mang thai và cho con bú chưa được thiết lập, do đó chỉ sử dụng khi được hướng dẫn của bác sĩ.

Ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc

Khi nhỏ mắt có thể gây mờ thoáng qua, do đó chỉ lái xe hoặc vận hành máy móc khi tầm nhìn rõ ràng.

Tương tác, tương kỵ của thuốc

Tác dụng của atropin có thể tăng lên bằng việc sử dụng đồng

thời các thuốc kháng muscarinic. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự hấp thu của atropin sulfat có thể bị cản trở bởi các dung dịch có độ thẩm thấu cao.

Tác dụng không mong muốn của thuốc

Bệnh nhân có thể bị chứng sợ ánh sáng, do đó mắt cần được bảo vệ tránh ánh sáng trong khi đồng tử bị giãn nở.

Sử dụng atropin kéo dài có thể dẫn đến kích ứng cục bộ, đau nhức tạm thời, tăng huyết áp, phù nề và viêm kết mạc. Tăng áp lực nội nhãn có thể xảy ra, đặc biệt ở bệnh nhân glaucoma góc đóng.

Quá mẫn với atropin không phải là tác dụng không mong muốn không thường gặp với các triệu chứng như phát ban da hoặc viêm kết mạc.

Độc tính toàn thân đã được báo cáo ở trẻ sơ sinh và người cao tuổi. Các triệu chứng bao gồm mất ngủ, bồn chồn, hưng phấn và ảo giác.

Các phản ứng phụ khác có thể bao gồm: khô miệng, gặp khó khăn khi nuốt và nói, đồ bụng và da khô, nhịp tim chậm thoáng qua, nhịp tim nhanh, đánh trống ngực và loạn nhịp tim, giảm chất tiết phế quản, tiểu gấp, táo bón.

Tác dụng phụ không thường gặp bao gồm nhầm lẫn (đặc biệt ở người già), buồn nôn, nôn và chóng mặt.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc

Quá liều và cách xử trí

Triệu chứng:

Các phản ứng toàn thân đối với atropin tại chỗ không có ở liều bình thường. Các triệu chứng có thể xảy ra sau khi dùng thuốc quá liều, bao gồm các tác dụng kháng cholinergic, các thay đổi về tim mạch (nhịp tim nhanh, rối loạn nhịp tim, phân ly nhĩ thất) và hệ thống thần kinh trung ương (nhầm lẫn, mất ngủ, bồn chồn, ảo giác, co giật)

Cách xử trí:

Điều trị hỗ trợ triệu chứng

Đặc tính dược lực học

Nhóm dược lý: thuốc kháng cholinergic

Mã ATC: S01FA01

Sự giãn nở của đồng tử thường xảy ra trong vòng nửa giờ sau khi nhỏ thuốc và kéo dài 7 ngày hoặc lâu hơn. Liệt điều tiết trong vòng 1 giờ đến 3 giờ và phục hồi trong vòng từ 3 đến 7 ngày.

Đặc tính dược động học

Atropin dễ hấp thu từ đường tiêu hóa và niêm mạc, nó cũng được hấp thu từ mắt.

Thuốc chuyển hóa không hoàn toàn qua gan và được bài tiết qua nước tiểu dưới dạng không biến đổi và các chất chuyển hóa.

Quy cách đóng gói:

0,5 ml/ống. Hộp 20 ống.

Bảo quản: Bảo quản trong bao bì kín, tránh ẩm và tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất. 7 ngày sau khi mở nắp.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn cơ sở

Nhà sản xuất:



Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội

Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình,
huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

T3-20-160525-T02513-C00783

Kích thước: 70 x 220 mm
Thay đổi khốp nhãn 5615e/QLD-ĐK, 12/02/25